TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2018/DS - ST
Ngày: 01 - 03 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ông Võ Trịnh Quốc Toàn

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 210/2016/TLST - DS ngày 26 tháng 04 năm 2016 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2017/QĐXX - ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị S, năm 1969. (Có mặt)

  Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh E.

- *Bị đơn*: Hà Thị T, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

  Địa chỉ: ấp H 2, xã Đ, huyện B, tỉnh E

- *Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư Nguyễn Tấn Đức - thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Tấn Đức.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

  Nguyễn Thắng L, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

  Địa chỉ: ấp H 2, xã Đ , huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/04/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/07/2016, biên bản đối chất ngày 18/11/2016, 13/07/2016 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị S trình bày như sau:*

Vào ngày 30/10/2015 (tức ngày 18/09/2015 âm lịch) chị Hà Thị T có điện thoại cho bà hỏi vay 500.000.000đồng và nói nhờ chị Trần Thị Huệ ra nhận tiền dùm. Trong cùng ngày 30/10/2015 bà giao cho chị Trần Thị Huệ 500.000.000đồng và có ký giấy nhận tiền dùm bà T. Khi vay lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn vay là 20 ngày, nhưng cho đến nay bà T vẫn không trả lãi lẫn vốn còn nợ bà 500.000.000đồng. Bà Hà Thị T trình bày đã nhờ Phan Thị Đình Đình mang trả rồi cho bà 400.000.000đồng là không đúng, bà thừa nhận có nhận 400.000.000đồng từ Phan Thị Đình Đình trả dùm bà T nhưng số tiền trả này là số tiền trả trong khoản vay khác, bà đã đưa giấy viết mực đỏ cho chị Đình Đình gạt sổ và xé giấy nợ bỏ. Vì vậy, đến nay bà T vẫn còn nợ bà 500.000.000đồng.

Ngoài ra vào ngày 12/08/2015 âm lịch bà có cho bà T vay 600.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%, mục đích vay là để kinh doanh. Sau đó bà T có trả vốn cho bà 250.000.000đồng, còn nợ lại 350.000.000đồng và ngày 30/08/2015 âm lịch bà T viết giấy ký nhận còn nợ bà 350.000.000đồng. Sau khi vay bà T có đóng lãi suất cho bà 01 lần với số tiền là 16.000.000đồng rồi ngưng không đóng nữa cho đến nay còn nợ lại bà vốn là 350.000.000đồng và tiền lãi từ 30/10/2015 âm lịch cho đến nay.

Tất cả hai lần vay tiền trên do bà và bà T trực tiếp thỏa thuận qua lại, bà hoàn toàn không có gặp ông Nguyễn Thắng L là chồng bà T để cho vay tiền cũng như trả tiền, ông L không có liên quan đến tiền vay mượn giữa bà và bà T. Nhưng ông L và bà T là vợ chồng nên phải có trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thắng L cùng liên đới trả cho bà như sau:

- Trả lại 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng) và tính lãi suất từ 18/09/2015 âm lịch cho đến nay theo mức lại suất cơ bản nhà nước quy định là 0,75%/ tháng.

- Trả lại 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tính lãi suất từ 30/10/2015 âm lịch cho đến nay theo mức lại suất cơ bản nhà nước quy định là 0,75%/ tháng.

- Ngoài ra bà còn yêu cầu bà T, ông L trả lại chi phí giám định là 1.595.000đồng (Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

****** *Tại bản tự khai đề ngày 14/04/2016, biên bản đối chất ngày 18/11/2016, 13/07/2016 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị T trình bày như sau:*

Bà thừa nhận có vay của bà Bùi Thị S 500.000.000đồng vào ngày 19/08/2015 âm lịch, do bà nhờ chị Trần Thị Huệ nhận tiền dùm. Ngày 21/09/2015 âm lịch tại quán cà phê 6 Kiếng bà có nhờ Phan Thị Đình Đình mang 400.000.000đồng trả cho bà Bùi Thị S, còn việc bà S cho rằng có nhận 400.000.000đồng từ Phan Thị Đình Đình trong khoản vay khác là không đúng, bà xác nhận 400.000.000đồng bà S nhận từ Phan Thị Đình Đình là trong khoản vay 500.000.000đồng vào ngày 19/08/2015âm lịch. Hiện tại bà chỉ đồng ý trả bà S 100.000.000đồng và tiền lãi suất cơ bản từ khi vay cho đến nay.

Riêng khoản nợ 350.000.000đồng bà S yêu cầu bà trả lại thì bà không đồng ý. Giấy ghi nợ ngày 30/08 chữ viết là của bà nhưng là giấy ghi từ mấy năm về trước, từ năm 2011, bà không biết về khoản nợ này.

Bà không đồng ý trả bà S tiền chi phí giám định là 1.595.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Khi vay tiền chỉ một mình bà vay chồng bà là Nguyễn Thắng L không biết nên bà chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà Bùi Thị S.

* Người bảo vệ quyền L ích hợp pháp của bị đơn trình bày: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thắng L trả lại hai khoản vay 500.000.000đ vào ngày 19/08/2015 và khoản vay 350.000.000đồng vào ngày 12/08/2015 âm lịch là không có cơ sở. Đối với khoản vay 500.000.000đ vào ngày 19/08/2015 bà Bùi Thị S đã thừa nhận có nhận của chị Đình Đình 400.000.000đồng trả dùm bà Hà Thị T tại các biên bản đối chất. Tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp thêm giấy nợ 400.000.000đồng ngày 02/11/2015 nhưng bà S trình bày mâu thuẫn về thời gian trả nợ, bà xác nhận 400.000.000đồng nhận của Đình Đình vào tháng 8/215 nhưng giấy nợ 400.000.000đồng ngày 02/11/2015 là thời gian sau khi phát sinh nợ nên chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho khoản vay khác là không phù hợp. Đối với khoản vay 350.000.000đồng vào ngày 12/08/2015 âm lịch tuy bà T thừa nhận chữ viết của bà nhưng là giấy của các các năm khác không phải giấy của khoản vay này. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sư. Tuy nhiên, về thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát thì Thẩm phán vi theo khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự không ban hành quyết định gia hạn cho đến khi thụ lý bổ sung vụ án. Đối vối Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì có chấp hành tốt, theo quy định tại khoản Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ bị đơn. Đối với vi phạm của Thẩm phán trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 477, 478, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 14, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với bà Hà Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; ông Nguyễn Thắng L không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Bùi Thị S.

Buộc bà Hà Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị S số tiền nợ vay là 450.000.000 đồng và tiền lãi là theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác buộc bà Hà Thị T trả cho bà Bùi Thị S tiền chi phí giám định lần 1 theo kết luận giám định ngày 15/02/2017 là 1.595.000đồng (Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) . Đối với số tiền 1.200.000đ(Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo kết luận giám định giám định lần 2 ngày 19/12/2017 mặc dù

giám định là chữ viết của bà Hà Thị T nhưng giấy nợ ngày 02/11/2015 thời gian không phù hợp thời gian phát sinh nợ ngày 19/08/2015 nên bà Hà Thị T không trả cho bà Bùi Thị S số tiền 1.200.000đ(Một triệu hai trăm nghìn đồng) .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Hà Thị T là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Thắng L là người có quyền L nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông L là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Tại các biên bản làm việc ngày 27/04/2017, ngày 29/05/2017 (Bút lục 108; 109) nguyên đơn bà Bùi Thị S, người bảo vệ quyền L ích hợp pháp của bị đơn bà Đinh Thị Bé Mười, bị đơn bà Hà Thị T đều không yêu cầu sao chụp, gửi tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 70, Khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự trước khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vì lý do đã có đầy đủ. Nên tòa án ghi nhận và không gửi tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho đương sự khác theo quy định tại khoản 9 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

** Xét yêu cầu của bà Bà Bùi Thị S buộc bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thắng L trả 500.000.000đồng tiền vay vào ngày 18/09/2015âm lịch và tính lãi suất từ khi vay cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Vào ngày 18/09/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 30/10/2015) bà Bùi Thị S cho bà Hà Thị T vay 500.000.000đ và nhờ chị Trần Thị Huệ ra nhận thay có ký giấy nhận thay. Sau khi vay bà T không trả vốn và lãi cho bà S nên bà S khởi kiện yêu cầu bà T, ông L trả lại 500.000.000đồng và tiền lãi suất từ ngày 18/09/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 30/10/2015) cho đến nay. Bà Hà Thị T thừa nhận có vay của bà S 500.000.000đồng và nhờ chị Trần Thị Huệ ra nhận thay, tuy nhiên bà T cho rằng đã nhờ Phan Thị Đình Đình mang trả rồi cho bà S 400.000.000đồng chỉ còn nợ lại 100.000.000đồng và tiền lãi suất.

Nhận thấy, việc cho vay tiền giữa bà Bùi Thị S và bà Hà Thị T là có thật được bà T thừa nhận có vay của bà S 500.000.000đồng. Nhưng bà T cho rằng đã nhờ Phan Thị Đình Đình mang trả rồi cho bà S 400.000.000đồng, lời trình bày này của bà T là có cơ sở. Bởi lẻ. tại các biên bản đối chất ngày 18/11/2016, 13/07/2016 (Bút lục 44, 45, 48) bà Bùi Thị S thừa nhận có nhận của Phan Thị Đình Đình 400.000.000đồng là

tiền do bà T trả nhưng bà cho rằng là tiền trả của khoản nợ khác đã gạt sổ, xé giấy bỏ. Tòa án đã ra Quyết định số 82/QĐ -CCTLCC ngày 29/11/2016 yêu cầu bà Bùi Thị S cung cấp chứng cứ chứng minh cho rằng số tiền 400.000.000đồng bà S nhận của chị Phan Thị Đình Đình mang trả thay hộ cho bà Hà Thị T là số tiền trả của khoản tiền vay khác, thời gian khác, không phải là tiền trả của khoản vay 500.000.000đồng vào ngày 18/09/2015 âm lịch thì bà không cung cấp được. Bà Bùi Thị S cung cấp các giấy nợ vay trả rồi của những năm 2013, 2014 (Bút lục 73;74;75;76;77) và giấy nợ ngày 02/11 không ghi năm (Bút lục 196) thì thời gian vay không phù hợp với thời gian phát sinh nợ ngày 18/09/2015 âm lịch, số tiền vay trong các giấy nợ này ít hơn số tiền tranh chấp nên chứng cứ trên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên có cơ sở cho rằng số tiền 400.000.000đ bà S nhận của chị Đình Đình là số tiền bà T trả của khoản vay 500.000.000đồng vào ngày 18/09/2015 âm lịch. Hiện tại bà T còn nợ bà S 100.000.000đồng và tiền lãi suất từ khi vay cho đến nay. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Bà Bùi Thị S chỉ được chấp nhận một phần là 100.000.000đồng.

Về yêu cầu tính lãi suất, ngày vay tiền là ngày 18/09/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 30/10/2015), ngày tòa án nhận đơn khởi kiện là ngày 14/04/2016, vụ việc còn trong thời hiệu khởi kiện nên bà Bùi Thị S yêu cầu tính lãi suất 0.75%/tháng, xét thấy đây là yêu cầu phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận. Cụ thể lãi suất phải trả đươc tính như sau: từ ngày 18/09/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 30/10/2015) đến ngày xét xử 01/03/2018 là 28 tháng, tiền lãi là : 28 tháng x 0,75%/tháng x 100.000.000đồng = 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng).

** Xét yêu cầu của bà Bà Bùi Thị S buộc bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thắng L trả 350.000.000đồng tiền vay vào ngày 30/08/2015âm lịch và tính lãi suất từ ngày 30/10/2015âm lịch cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ngày 12/08/2015 âm lịch bà S có cho bà T vay 600.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 6%, mục đích vay là để kinh doanh. Sau đó bà T có trả vốn cho bà 250.000.000đồng, còn nợ lại 350.000.000đồng và ngày 30/08/2015 âm lịch bà T viết giấy ký nhận còn nợ bà 350.000.000đồng. Sau khi vay bà T có đóng lãi suất cho bà 01 lần với số tiền là 16.000.000đồng rồi ngưng không đóng nữa nên bà S yêu cầu T, ông L trả lại 350.000.000đồng và tiền lãi từ 30/10/2015 âm lịch cho đến nay. Bà T cho rằng không biết khoản nợ 350.000.000đồng, bà S yêu cầu bà trả lại thì bà không đồng ý. Giấy ghi nợ ngày 30/08 không có ghi năm, chữ viết bà T thừa nhận là của bà ghi nhưng là giấy ghi từ mấy năm về trước, từ năm 2011, bà không biết về khoản nợ này.

Nhận thấy, chứng cứ khởi kiện của bà S là căn cứ vào phiếu giao hàng ghi ngày 30/08(Bút lục 66) nội dung giấy nợ ghi "ngày 30.8" " trả 250.000" "còn 350.000" " (Còn ba trăm năm chục triệu)". Mặc dù trong biên bản hòa giải ngày 12/12/2016 bà T không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ nhưng tại kết luận giám định số 11/2017/GĐTL ngày 15/02/2017 (bút lục 94) của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre đã kết luận chữ ký trong phiếu giao hàng ghi ngày 30.8 so với chữ ký của bà Hà Thị T trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra. Tại biên bản hòa giải ngày 29/05/2017 và tại phiên tòa ngày 14/11/2017 bà T cũng đã thừa nhận chữ viết, chữ ký là của bà ghi, điều đó chứng tỏ bà T có nợ bà S 350.000.000đồng là đúng

theo phiếu giao hàng ghi ngày 30/08. Bà T cho rằng giấy nợ nghi ngày 30/8 là của những năm về trước, năm 2011 nhưng bà không chứng minh được. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bà Hà Thị T còn nợ bà Bùi Thị S 350.000.000đồng theo phiếu giao hàng ghi ngày 30/08, nên yêu cầu của bà Bùi Thị S là phù hợp nên được hấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi suất bà Bùi Thị S yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/10/2015 âm lịch, dương lịch là ngày 11/12/2015 cho đến nay. Xét thấy ngày kết nợ sau cùng là ngày 30/08/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 12/10/2015), ngày tòa án nhận đơn khởi kiện là ngày 06/09/2016, vụ việc còn trong thời hiệu khởi kiện nên bà Bùi Thị S yêu cầu tính lãi suất 0.75%/tháng, đây là yêu cầu phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên được chấp nhận. Cụ thể lại suất phải trả đực tính như sau: từ ngày 30/10/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 11/12/2015) đến ngày xét xử 01/03/2018 là 26,5 tháng, tiền lãi là : 26,5 tháng x 0,75%/tháng x 350.000.000đồng = 69.562.500đ (Sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa ngày 14/11/2017 bà T không yêu cầu tính lãi suất lại đối với số tiền 16.000.000đ đã đóng cho bà S, tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt không lý do nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

** Xét yêu cầu của bà Bùi Thị S yêu cầu ông Nguyễn Thắng L liên đới cùng bà Hà Thị T trả nợ cho bà*. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 29/05/2017(Bút lục 104) và tại phiên tòa hôm nay bà S trình bày tất cả các khoản vay trên chỉ do bà T vay, bà S hoàn toàn không có gặp ông L giao dịch vay tiền cũng như trả tiền. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 08/08/2017(Bút lục 163), Đơn xác nhận ngày 08/09/2017 (Bút lục 164) Ủy ban xã Đại Hòa Lộc nơi cư trú của ông Nguyễn Thắng L và bà Hà Thị T đã xác nhận: "ông Nguyễn Thắng L và bà Hà Thị T chung sống từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn". Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân nhân và gia đình năm 2014 " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…."*. Như vậy, quá trình vay tiền chỉ có một mình bà T giao dịch với bà S, ông L không liên quan đến giao dịch vay tiền này, ông L cũng không có đăng ký kết hôn với bà T, hôn nhân bà T, ông L cũng không thuộc trường hợp hôn nhân thự tế nên ông L không có quyền, nghĩa vụ trong quan hệ vay tiền giữa bà Bùi Thị S và Bà Hà Thị T . Do đó, ông L không có trách nhiệm liên đới cùng bà Hà Thị T trả nợ cho bà Bùi Thị S là phù hợp.

Như vậy, tổng cộng hai khoản vay trên bà Hà Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S là 540.562.500đồng (Năm trăm bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền vốn là 450.000.000đồng, tiền lãi suất là 90.562.500đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

Bà Hà thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 20.000.000đồng + 4%x(140.562.500đồng)= 25.622.500đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng)

Bà Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 400.000.000đ x 5% = 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị S đã nộp 21.406.000đồng theo các biên lai thu số 0001532 ngày 26/04/2016, số 0001946 ngày 06/09/2016, số 0010169 ngày 05/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, bà Bùi Thị S được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.406.000đ (Một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Đối với chi phí tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy kết luận giám định lần 1 ngày 15/02/2017 chứng minh yêu cầu của bà Bùi Thị S là có căn cứ nên buộc bà Hà Thị T trả cho bà Bùi Thị S tiền chi phí giám định lần 1 ngày 15/02/2017 là 1.595.000đồng (Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) là phù hợp Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với số tiền 1.200.000đ(Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo kết luận giám định giám định lần 2 ngày 19/12/2017 mặc dù giám định là chữ viết của bà Hà Thị T nhưng giấy nợ ngày 02/11không ghi năm thời gian không phù hợp thời gian phát sinh nợ ngày 19/08/2015, không làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên bà Hà Thị T không trả cho bà Bùi Thị S số tiền 1.200.000đ(Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo kết luận giám định giám định lần 2 ngày 19/12/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91,92, 147, 161, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 305 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 14, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với bà Hà Thị T về việc tranh chấp hợp đồng đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Thắng L không có trách nhiệm liên đới cùng bà Hà Thị T trả nợ cho bà Bùi Thị S.

2. Buộc Hà Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị S số tiền vay là 540.562.500đồng (Năm trăm bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền vốn là 450.000.000đồng, tiền lãi suất là 90.562.500đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Bùi Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Hà Thị T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Hà thị T phải chịu án phí dân sự sơ là 25.622.500đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng)

Bà Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị S đã nộp 21.406.000đồng

theo các biên lai thu số 0001532 ngày 26/04/2016, số 0001946 ngày 06/09/2016, số 0010169 ngày 05/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, bà Bùi Thị S được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.406.000đ (Một triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

4. Về Chi phí tố tụng khác:

Buộc bà Hà Thị T trả cho bà Bùi Thị S tiền chi phí giám định là 1.595.000đồng (Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Hà Thị T, ông Nguyễn Thắng L vắng mặt cũng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan T HA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương